

**BẢNG GIÁ KHUYẾN NGHỊ NGƯỜI TIÊU DÙNG
ỐNG NHỰA HDPE STROMAN****Tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007**
(Áp dụng từ ngày 15/04/2026 tại Miền Nam)

Công ty Cổ phần Nhựa Tân Á Đại Thành gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng.
Chúng tôi hân hạnh gửi tới Quý khách hàng Bảng giá Ống nhựa HDPE STROMAN như sau:

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
	ỐNG HDPE 100					
1	20	10	1.4	m	10,043	10,846
2	20	12.5	1.5	m	10,200	11,016
3	20	16	2.0	m	12,500	13,500
4	25	10	1.6	m	13,000	14,040
5	25	12.5	2.0	m	16,000	17,280
6	25	16	2.3	m	19,000	20,520
7	25	19	2.8	m	21,996	23,756
8	25	20	3.0	m	22,300	24,084
9	27	8	1.5	m	17,136	18,506
10	29	8	1.5	m	17,727	19,145
11	32	8	1.6	m	21,095	22,782
12	32	10	2.0	m	21,400	23,112
13	32	12.5	2.4	m	26,100	28,188
14	32	16	3.0	m	30,600	33,048
15	32	20	3.6	m	36,800	39,744
16	40	8	2.0	m	27,100	29,268
17	40	10	2.4	m	32,600	35,208
18	40	12.5	3.0	m	39,500	42,660
19	40	16	3.7	m	47,400	51,192
20	40	20	4.5	m	56,300	60,804
21	50	8	2.4	m	42,000	45,360
22	50	10	3.0	m	50,100	54,108
23	50	12.5	3.7	m	60,300	65,124
24	50	16	4.6	m	73,500	79,380
25	50	20	5.6	m	87,000	93,960
26	63	8	3.0	m	65,100	70,308
27	63	10	3.8	m	80,000	86,400
28	63	12.5	4.7	m	97,000	104,760
29	63	16	5.8	m	115,700	124,956
30	63	20	7.1	m	138,500	149,580

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
31	75	8	3.6	m	92,700	100,116
32	75	10	4.5	m	114,200	123,336
33	75	12.5	5.6	m	137,700	148,716
34	75	16	6.8	m	164,300	177,444
35	75	20	8.4	m	196,200	211,896
36	90	8	4.3	m	146,300	158,004
37	90	10	5.4	m	162,000	174,960
38	90	12.5	6.7	m	195,800	211,464
39	90	16	8.2	m	235,200	254,016
40	90	20	10.1	m	281,500	304,020
41	110	6	4.2	m	158,000	170,640
42	110	8	5.3	m	196,300	212,004
43	110	10	6.6	m	245,600	265,248
44	110	12.5	8.1	m	293,300	316,764
45	110	16	10	m	354,300	382,644
46	110	20	12.3	m	426,400	460,512
47	125	6	4.8	m	204,500	220,860
48	125	8	6.0	m	253,500	273,780
49	125	10	7.4	m	310,000	334,800
50	125	12.5	9.2	m	377,700	407,916
51	125	16	11.4	m	458,300	494,964
52	125	20	14	m	546,500	590,220
53	140	6	5.4	m	256,600	277,128
54	140	8	6.7	m	315,700	340,956
55	140	10	8.3	m	386,900	417,852
56	140	12.5	10.3	m	468,600	506,088
57	140	16	12.7	m	568,100	613,548
58	140	20	15.7	m	683,300	737,964
59	160	6	6.2	m	336,200	363,096
60	160	8	7.7	m	414,600	447,768
61	160	10	9.5	m	508,400	549,072
62	160	12.5	11.8	m	611,500	660,420
63	160	16	14.6	m	751,400	811,512
64	160	20	17.9	m	896,400	968,112
65	180	6	6.9	m	420,100	453,708
66	180	8	8.6	m	521,900	563,652
67	180	10	10.7	m	640,100	691,308
68	180	12.5	13.3	m	779,500	841,860
69	180	16	16.4	m	945,100	1,020,708
70	180	20	20.1	m	1,133,400	1,224,072
71	200	6	7.7	m	521,800	563,544

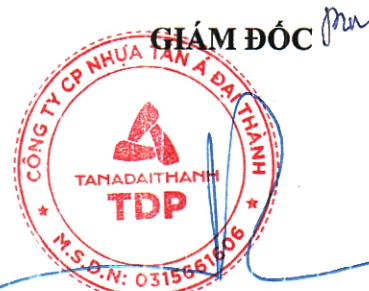
TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
72	200	8	9.6	m	650,100	702,108
73	200	10	11.9	m	802,100	866,268
74	200	12.5	14.7	m	955,300	1,031,724
75	200	16	18.2	m	1,182,500	1,277,100
76	200	20	22.4	m	1,410,000	1,522,800
77	225	6	8.6	m	654,600	706,968
78	225	8	10.8	m	818,800	884,304
79	225	10	13.4	m	986,000	1,064,880
80	225	12.5	16.6	m	1,207,600	1,304,208
81	225	16	20.5	m	1,445,800	1,561,464
82	225	20	25.2	m	1,743,900	1,883,412
83	250	6	9.6	m	810,900	875,772
84	250	8	11.9	m	999,100	1,079,028
85	250	10	14.8	m	1,221,500	1,319,220
86	250	12.5	18.4	m	1,501,400	1,621,512
87	250	16	22.7	m	1,798,700	1,942,596
88	250	20	27.9	m	2,152,100	2,324,268
89	280	6	10.7	m	1,005,600	1,086,048
90	280	8	13.4	m	1,274,500	1,376,460
91	280	10	16.6	m	1,522,100	1,643,868
92	280	12.5	20.6	m	1,882,400	2,032,992
93	280	16	25.4	m	2,254,300	2,434,644
94	280	20	31.3	m	2,696,023	2,911,705
95	315	6	12.1	m	1,282,300	1,384,884
96	315	8	15.0	m	1,596,500	1,724,220
97	315	10	18.7	m	1,938,200	2,093,256
98	315	12.5	23.2	m	2,354,300	2,542,644
99	315	16	28.6	m	2,853,500	3,081,780
100	315	20	35.2	m	3,434,659	3,709,431
101	355	6	13.6	m	1,628,700	1,758,996
102	355	8	16.9	m	2,007,700	2,168,316
103	355	10	21.1	m	2,463,000	2,660,040
104	355	12.5	26.1	m	2,986,000	3,224,880
105	355	16	32.2	m	3,622,500	3,912,300
106	355	20	39.7	m	4,356,200	4,704,696
107	400	6	15.3	m	2,054,700	2,219,076
108	400	8	19.1	m	2,574,600	2,780,568
109	400	10	23.7	m	3,129,800	3,380,184
110	400	12.5	29.4	m	3,780,400	4,082,832
111	400	16	36.3	m	4,616,700	4,986,036
112	400	20	44.7	m	5,550,114	5,994,124

TT	TÊN SẢN PHẨM DN - ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (mm)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (mm)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
					TRƯỚC VAT	SAU VAT
113	450	6	17.2	m	2,625,900	2,835,972
114	450	8	21.5	m	3,231,700	3,490,236
115	450	10	26.7	m	3,954,800	4,271,184
116	450	12.5	33.1	m	4,779,700	5,162,076
117	450	16	40.9	m	5,843,400	6,310,872
118	450	20	50.3	m	7,014,092	7,575,219
119	500	6	19.1	m	3,197,900	3,453,732
120	500	8	23.9	m	4,009,100	4,329,828
121	500	10	29.7	m	4,918,000	5,311,440
122	500	12.5	36.8	m	5,948,300	6,424,164
123	500	16	45.4	m	7,243,500	7,822,980
124	500	20	55.8	m	9,009,716	9,730,493
125	560	6	21.4	m	4,392,000	4,743,360
126	560	8	26.7	m	5,415,700	5,848,956
127	560	10	33.2	m	6,649,300	7,181,244
128	560	12.5	41.2	m	8,116,100	8,765,388
129	560	16	50.8	m	9,803,200	10,587,456
130	630	6	24.1	m	5,564,800	6,009,984
131	630	8	30.0	m	6,842,700	7,390,116
132	630	10	37.4	m	8,422,000	9,095,760
133	630	12.5	46.3	m	10,258,200	11,078,856
134	630	16	57.2	m	11,646,800	12,578,544
135	710	6	27.2	m	7,085,000	7,651,800
136	710	8	33.9	m	8,724,800	9,422,784
137	710	10	42.1	m	10,702,900	11,559,132
138	710	12.5	52.2	m	13,051,800	14,095,944
139	710	16	64.5	m	15,800,900	17,064,972

ỐNG NHỰA STROMAN - ĐỘ BỀN LÝ TƯỞNG TỪ CHUYÊN GIA ĐỨC

Mọi chi tiết Quý khách hàng vui lòng truy cập

Website: www.stroman.vn hoặc liên hệ các Cửa hàng chính thức của Công ty



NGUYỄN TUẤN NGỌC